

SỐ 1726

QUÁN ÂM HUYỀN NGHĨA

*Đại sư Thiên Thai Trí Giả Đồi Tuy, nói
Học trò là Quán Đảnh ghi.*

QUYỂN THƯỢNG

Pháp giới viên dung tượng vô sở tượng, chân như thanh tịnh hóa vô sở hóa, tuy tượng vô sở tượng nhưng chẳng có gì mà không giống, hóa vô sở hóa nhưng chẳng có gì mà không hóa, cho nên thân không ở đâu, mà không đâu chẳng ở, hóa hiện ứng khắp chín đường, ở nơi Hữu mà không vắng lặng hẳn nhập vào ý chỉ Không hai. Đó là vì ba nghiệp chí thành cầu mong thoát khỏi bờ khổ, bốn hoàng nguyện lời thề khiến cho được hưởng vui hưởng thượng, vì vậy ở thế giới Ta bà được tên gọi Vô úy, nơi Phật Bảo Tạng nhận lãnh gọi là Quán Âm, đã thành tựu Chánh giác gọi là Chánh Pháp Minh, kế là Bồ xứ, gọi là Phổ Quang Công Đức, bốn tích đó như vậy há có thể suy lường biết được sao? Phương tiện tùy duyên hướng về nêu một tên gọi đó thôi.

Nay nói Quán Thế Âm, chính âm của Tây thổ gọi là A-da-bà-lâu-cát-đê-thâu, Hán dịch là Quán Thế Âm, tức năng Sở viên dung gồm đủ, thông suốt có - không. Soi chiếu tận cùng chánh tánh. Xét kỹ ngọn ngành nên gọi là Quán, Thế Âm là cảnh sở quán, muôn tượng lưu động cách sai khác nhau, âm loại xướng lên khác nhau đều được nương nhờ lia khổ, Bồ-tát tử bi rộng lớn trong một lúc cứu giúp rộng khắp, đều khiến cho giải thoát nên gọi là Quán Thế Âm. Đây chính là cảnh trí cùng nêu, năng sở hợp lại đề cử. Kinh là do nghĩa, văn, lý thể hiện phát khởi đan xen thành tâm (điểm) của người tu hành, nên gọi là Kinh. Phổ Môn: Phổ nghĩa là cửa rộng khắp, Môn là năng thông, dùng một thật

tướng khai bày mười cửa rộng khắp, không có gì ngăn ngại cách trở nên gọi là Phổ Môn. Phẩm là loại cũng có nghĩa tương tự thuận theo nhau nên gọi là Phẩm. Đại Bộ đã có năm chương trình bày nghĩa, nay Phẩm cũng giải thích điều này, có năm ý: 1. Giải thích tên gọi. 2. Nêu ra Thế. 3. Nói về tông. 4. Nói về Dụng. 5. Giáo tướng.

Giải thích tên gọi chia làm hai: 1. Giải thích chung. 2. Giải thích riêng. Chung là người - pháp hợp lại để trình bày, riêng khác là người - pháp đều nói. Vì sao như vậy? Vì duyên có lợi - độn nên nói có mở rộng - tóm lược.

Nay giải thích chung chia làm bốn: 1. Nêu ra tên gọi. 2. Thứ lớp. 3. Giải thích. 4. phân biệt.

Nêu ra tên gọi có mười nghĩa để giải thích chung. Vì sao như vậy? Vì chí lý thanh tịnh không có danh, không có tướng chẳng phải pháp, chẳng phải người, vượt qua các số lượng chẳng phải một, hai, ba, chỉ diệu lý như hư không thông suốt trong có danh tướng mà mượn danh tướng nói, cho nên lập ra danh của vô danh tạm gọi là người và pháp. Tuy chẳng phải số lượng mà cũng nói về số lượng, vì thế Đại Luận chép: “Bát-nhã là một pháp mà Phật nói thành nhiều loại tên gọi, tùy theo các loại chúng sanh đặt tên tên gọi khác nhau”.

Ở đây nói sơ lược dùng mười nghĩa để giải thích ý chung. Mười nghĩa ấy là: 1. Người pháp. 2. Từ bi. 3. Phước tuệ. 4. Chân ứng. 5. Được châu. 6. Hiện, ẩn, 7. Quyền thật. 8. Bốn tích. 9. Duyên liễu. 10. Trí đoạn. Nói về thứ lớp ấy ở đây có hai ý: Một là dựa theo quán để trình bày thứ lớp, hai là dựa theo Giáo để trình bày thứ lớp. Dựa theo Quán thì toàn bộ tâm ban đầu - chặng giữa - sau cuối đều là nhân trọn vẹn quả đầy đủ. Dựa theo Giáo thì bao gồm các kinh Đại - Tiểu - Tiệm - Đốn. Dựa theo Quán lấy người pháp làm đầu là muốn trình bày thực hành quán chắc chắn phải có người mà người đó phải đúng theo pháp, Ví như người chịu một kỳ hạn quả báo thu nhận ấm trở thành con người, tuy có đủ vô lượng đức hạnh nhưng nhất định phải trước nêu lên tên “Người”. Vì vậy đặt người và pháp ở đầu, ý cũng như thế, người pháp đặt ở đầu trong chín nghĩa có thể như vậy, đâu có ý theo dùng người pháp làm thứ hai căn? Điều này cần phải y cứ theo kinh, kinh chép: “Vì nhân duyên này mà gọi là Quán Thế Âm”, tức là nói về người trước, sau chép: “Nhờ năng lực phương tiện thị hiện Phổ Môn”, tức là lại nói về pháp mà con người có khả năng nắm giữ pháp, cho nên nói là người pháp. Kế đến nghĩa hai là từ bi. Vì người của Quán Âm quán sát đối với pháp thật tướng của Phổ Môn, đạt đến lý thật tướng chẳng phải người - chẳng

phải tất cả chúng sanh cũng giống như thế, cho nên Hoa Nghiêm chép: “Tâm - Phật và chúng sanh ba thứ ấy không có sai khác, lý này đầy đủ trọn vẹn không có thiếu hụt giảm bớt”. Vì sao lý chúng sanh đầy đủ mà tình mê điên đảo khổ não? Đã quán sát là mình thì phát khởi từ bi thể nhỏ sạch khổ đau ban cho an vui, vì thế cho nên nói về từ bi. Lại nữa, hoặc xét theo lời nói tiện lợi, thì ban đầu Từ và sau là Bi, cũng là xác định bản hòa của Bồ-tát là muốn đại từ ban cho niềm vui. Đã không được vui sướng thì kế đó đại bi nhỏ sạch khổ đau, cho nên ban đầu là Từ về sau là Bi. Nếu theo sử dụng thứ lớp, thì ban đầu dùng đại bi dứt trừ khổ đau, sau đó mới dùng đại từ ban cho niềm vui. Lại căn cứ ở hành thì trước tiên thoát khổ sau mới được vui, cho nên trước là Bi sau là Từ. Nay thuận theo thứ lớp của nghĩa trước. Ba là Phước tuệ là ban đầu thì người là pháp cùng thành tựu, ở đây y cứ tín làm nền tảng, kế thì từ bi ban cho và dứt trừ ấy là xét theo nguyện, muốn viên mãn nguyện này chắc chắn cần phải tu hành, tu hành không ngoài phước tuệ, Tuệ chính là Bát-nhã - Phước tức là năm độ, giúp đỡ dẫn dắt lẫn nhau để thực hành thuận theo nguyện - sự lý trọn vẹn đầy đủ. Nếu trí tuệ tăng thêm rõ ràng thì nghĩa đại bi thể nguyện viên mãn - dứt trừ khổ đau khéo thành. Nếu phước đức sâu dày thì nghĩa đại thể nguyện đầy đủ - ban cho niềm vui khéo thành. Vì vậy phước tuệ đặt ở thứ ba thì lại nữa, lời nói là thuận tiện, trước tiên là phước - sau đó là tuệ. Nếu bản ý hóa cảm người khác trước tiên muốn lợi ích tuệ chân thật, nếu họ không kham nổi phước đức. Lại giúp đỡ cho nên trước tiên là phước, vì dẫn dắt nên trước là tuệ. Bốn là Chân ứng: Nếu trí tuệ chuyển biến sáng tỏ thì phù hợp với pháp tánh, pháp tánh tức là tên gọi thật tướng, là pháp thân. Pháp thân đã hiển bày thì có khả năng thuận theo chân mà khởi ứng thân, chân hiển bày ứng thì khởi hiện chỉ căn cứ vào phước tuệ mở phát, cho nên thứ lớp ở thứ tư. Lại nữa, nếu căn cứ phương tiện hóa vật, thì trước dùng ứng sau dùng chân, nay thuận theo nghĩa trước làm thứ lớp. Năm là trình bày về hai thân thuộc và châu - trước nói về chân ứng, mới thẳng nói về chứng đắc chưa trải qua lợi người. Nay trình bày hai thân đều có thể ích lợi cho người khác. Chân thân phá trừ chấp tướng? Dụ như được, ứng thân đối với muôn cơ tương tự như châu. Ngay nơi hai chữ đã nói về thứ lớp tương tự so với từ bi. Sáu là trình bày về ẩn hiển - Trước đây trình bày đạo lý hai thân tức là có khả năng hiển rõ lợi ích, nay giải thích được duyên được lợi ích thâm kín hoặc được lợi ích lộ rõ, cho nên kế là trình bày sau hai thân. Bảy: Nói về quyền thật - Trước đây duyên được lợi ích ý nào khác nhau? Bởi quyền xảo không giới hạn phương, hợp cơ thỏa

đáng một đũa, lực của hai Trí không bỏ lỡ thích nghi, cho nên lấy điều này làm thứ tư vậy. Trước Quyền sau Thật ấy là ở đây xét theo cạn sâu làm thứ lớp. Nếu dựa vào văn kinh thì trước dùng Thật ích kế là dùng Quyền độ, ở đây tùy theo vật làm thứ lớp. Nếu căn cứ bản ý của Phật, trước tiên chỉ vì một đại sự nhân duyên, trước hết hiển bày Thật ích, chúng sanh chưa thể lãnh hội thì sau sử dụng Quyền độ. Tám: Nói về bốn tích - Tuy là khéo léo Quyền Thật lợi ích cho chúng sanh mà khéo léo có hơn, kém chắc chắn là trí bốn tích thượng trung hạ khác nhau, Quyền Thật sơ lược mà lại rộng, nay muốn phân định tinh tế cao thấp để trình bày thứ lớp địa vị. Nếu Bốn đó cao thực hiện Tích của Quyền Thật thì diệu. Vì thế cho nên kế sau là sơ lược chung biện nói về khả năng tinh tế vi diệu đó. Chẳng phải bản không do đâu hiện Tích tích cho nên trước hết nói về Bốn, chẳng phải Tích không lấy gì hiển Bốn cần phải trước Tích. Chín là: Nói về liễu nhân duyên nhân - Trên đây người thực hành phát tâm tu hành thuận theo nhân sẽ được quả, hóa tha lợi vật cạn sâu không giống nhau, từ người - pháp đến chân ứng là thứ lớp tự hành, từ Dục châu đến Bốn tích là thứ lớp hóa tha. Đây chính là lần lượt luận không phải là trở lại bàn về nguồn gốc. Nay bắt nguồn hạt giống tánh đức, nếu người quán trí bi tâm thế nguyện, trí tuệ trang nghiêm hiển bày rõ ra Chân thân, đều là Liễu nhân làm hạt giống. Nếu là pháp Phổ Môn Từ tâm thế nguyện, phước đức trang nghiêm biểu hiện rõ ra ứng thân, đều là duyên nhân làm hạt giống, cho nên thứ lớp đường thứ chín. Mười - Nói về trí đoạn.

- Trước trình bày về duyên liễu là lùi lại bàn về nguồn gốc của nhân, nay nói về trí đoạn là lần lượt nói về rốt ráo. Ban đầu thì phát khởi từ liễu nhân cuối cùng thì Bồ-đề đại trí. Ban đầu thì phát khởi từ duyên nhân cuối cùng thì Niết-bàn đoạn đức. Nếu đi vào Niết-bàn thì các hành dừng nghỉ, cho nên ở thứ mười.

- Hai là dựa theo các giáo nói về thứ lớp ấy, lại chia làm Thông giáo Biệt giáo riêng. Nghĩa Thông giáo có thể hiểu, Biệt giáo nay sẽ nói. Như Hoa Nghiêm đốn giáo - giáo tên là Đại Phương Quảng Phật Hoa Nghiêm, dựa vào đề ban đầu nói về người - pháp, người này nắm giữ pháp chắc chắn có tâm từ bi, Bồ-tát tu nhân rõ ràng ở phước tuệ, đã ở vị nhập địa chắc chắn chứng đạt chân ứng, đã có thể lợi ích chúng sanh thì giải thích về Dục châu. Vật được lợi ích đó có ngầm kín có hiển rõ, mà chưa được nói về tách biệt Quyền thật - Bốn tích - Duyên liễu - Trí đoạn. Nghĩa chung thì có, ý riêng thì không, vì sao như vậy? Vì một thời kỳ hóa độ chúng sanh của Phật trình bày đối với đốn tiệm,

đốn giáo tuy có nói mà tiệm giáo chưa nói rõ, do đó không nói về bốn ý. Sở dĩ không nói là vì kinh đó nói. Tiểu thừa ngăn cách với Đại thừa như đếc như cầm, che lấp Quyền này chưa hiển rõ Thật, cho nên chép: “Lặng yên lâu đây làm chính, không cần vội nói ra”, vì vậy nói không có Quyền thật. Nói không có bốn tích ấy là kinh kia chưa gợi mở dấu tích của thân sanh trong vương cung vua, dấu vết của Pháp thân vắng lặng nơi đạo tràng, chưa có búng ngón tay, tăng hắng biểu hiện bốn của hai thân Sanh và Pháp đã đạt được từ lâu xa, do vậy nói không có Bốn tích. Nói không có duyên liễu trí đoạn ấy là không nói về căn tánh Tiểu thừa và hạng có tâm, bốn tự có nhân thường trụ, sẽ khắc có quả căn bản trí đoạn Bồ-đề, vì thế nói là không.

Kế là dựa theo giáo Ba tạng, chỉ nói về ba nghĩa người pháp, từ bi, phước tuệ, không có bảy loại như chơi ứng v.v... Vì sao như vậy? Vì trong giáo của Nhị thừa chỉ nói về thân đoạn, diệt trí, đâu được từ chân khởi ứng. Đã không có chân ứng thì lấy gì lợi ích vật? Riêng hỏi: Luận chung đầy đủ mười - nói riêng chỉ có ba, ba đây nếu dựa theo chân đế thì tùy nghĩa Thông mới có thể đầy đủ mười ý, sao chỉ là ba? Nếu nói là riêng, riêng cần hai dựa theo Trung đạo. Đã có thể có ba loại người pháp - Trung đạo, ý gì không có bảy? Riêng trả lời: Luận chung mười ý đây là dựa theo ba thừa, Nói riêng ba khoa đích thị là căn cứ vào Bồ-tát. Tam Tạng Bồ-tát có thể có nghĩa từ bi - phước tuệ hàng phục nghi hoặc. Đã hàng phục mà không dứt trừ cho nên không có bảy loại chân ứng... Sư chép: Giáo như nhau chỉ có ba. Nếu dựa theo Phương Đẳng giáo đối với Tiểu thừa nói về Đại thừa, có thể có sáu ý như Trung đạo - Đại thừa - người pháp đến hai lợi ích thâm kín và hiển lộ... nhưng còn đeo mang phương tiện điều hòa thành thực chúng sanh, do đó không được nói ra bốn ý về Quyền thật... Nếu nói về giáo Bát-nhã, tuy chưa hội nhập người Tiểu thừa, mà đã hội nhập pháp Tiểu thừa đều là Ma-ha Diễn, chỉ nói về sáu ý như người pháp... cũng còn mang phương tiện chưa nói về Quyền Thật v.v... Nếu xét theo giáo Pháp Hoa đã hội nhập người Tiểu thừa, ông thật sự là con ta - ta thật sự là cha ông, sở hành của các ông là đạo Bồ-tát, bỏ quyền, bày Thật, phát khởi Bốn hiển rõ Tích, liễu nghĩa chắc chắn không còn nghi ngờ trở ngại. Do đó biết Pháp Hoa có thể nói lên tám ý từ Trung đạo người pháp cho đến Bốn tích các giáo trước vốn không trình bày đến Pháp Hoa mới nói ra, cho nên chép: “Chưa hề hưởng về người nói ra việc như vậy: Nay đã nói ra chính là nay đã vì ông nói ra sự việc chân thật nhất”. Chư Phật ba đời điều phục, thuần thực chúng sanh, đại sự nhân duyên rất ráo tròn đầy ở Pháp Hoa. Vì thế hai

muôn Đức Phật Đấng Minh chỉ nói về Pháp Hoa dứt hóa mà nhập diệt, Ca-diếp Như-lai cũng giống như vậy. Nếu dựa theo Niết-bàn, tức là có hai thứ gọi là lợi - độn. Như người Thân tử đều ở thời giáo Pháp Hoa mà ngộ nhập, tám nghĩa đầy đủ không đợi đến thời giáo Niết-bàn. Nếu đệ tử độn căn đối với Pháp Hoa chưa hiểu ra, lại vì người này quay lại bàn về lý do, nói rộng về duyên liễu trình bày ba Phật tánh. Nếu nói về hạt giống Liễu nhân tánh đức, tu đức tức là thành tựu Bát-nhã, rồi ráo chính là thành tựu trí đức Bồ-đề. Hạt giống duyên nhân tánh đức, tu đức thành tựu giải thoát đoạn đức Niết-bàn. Nếu tánh đức chẳng phải duyên chẳng phải liễu thì đó là chánh nhân, hoặc tu đức thành tựu, thì là Pháp thân ba điểm không dọc không ngang, cho nên biết đều là thời giáo Niết-bàn đã nói. Quay lại nói về trước sau tám pháp thành tựu trí - đoạn, mười nghĩa đầy đủ, đây là trải qua năm vị nói về thứ lớp mười pháp. Dựa theo bốn giáo thì có thể hiểu, cho nên biết mười pháp thuộc về quán, giáo kết hợp gồm lấy trước sau. Nói lược về đại ý, quán nào mà không thâm nhiếp - giáo nào mà không thu nhận, ý khí rộng xa. Nghĩa vị sâu thẳm, trước sau có thứ lớp, thô tế không trái nhau, lấy giải thích sanh khởi ý.

Hỏi: Giáo trước Pháp Hoa có sáu ý sao nói là khác nhau?

Đáp: sáu ý trong Hoa Nghiêm, đối với người lợi căn, trở thành vị đề hồ - đối với người độn căn trở thành vị sữa. Ba ý trong ba tạng, đối với người lợi căn tinh tế lìa bỏ - đối với người độn căn trở thành vị lạc. Sáu ý trong Phương Đẳng, đối với người lợi căn trở thành vị đề hồ - đối với người độn căn thành vị bơ sống. Sáu ý trong Bát-nhã, theo người lợi căn trở thành vị đề hồ - đối với người độn căn thì trở thành vị bơ chín. Nếu tám ý trong Pháp Hoa, đối với người độn căn thì thành vị đề hồ.

- Ba là Giải thích: Người tức là người do giả danh mà thành, pháp tức là pháp năm ấm năng thành. Người pháp ở đây nối chung phàm Thánh. Nếu sắc thọ tướng hành thức là pháp thế gian thấp hèn, nắm lấy tất cả pháp này có thể trở thành con người sanh tử, giới định tuệ giải thoát giải thoát tri kiến, là pháp xuất thế, nắm lấy tất cả pháp này trở thành bậc Thánh xuất thế, cho nên Đại Luận chép: “Chúng sanh vô thượng ấy là Phật, pháp vô thượng ấy là Niết-bàn”. Tuy nối chung phàm Thánh nhưng chẳng thể không có sai khác, thượng trung hạ ác thì trở thành người pháp của ba đường, thượng trung hạ thiện thì trở thành người pháp của đường thiện, do đó có sáu đường khác nhau về tầng bậc. Nếu nói tinh tế thì có trăm ngàn muôn chủng loại, cho đến người pháp thuộc bậc Thánh cũng không như nhau. Hoặc như Hữu môn

của giáo Ba tạng, xét chúng sanh, ta, người như lông rùa sừng thỏ suy cho cùng không thật có, chỉ có pháp năm ấm, đây chính là nhân không mà pháp bất không. Quán xét pháp này sanh diệt vô thường không dừng lại, phát sanh các địa vị như Noãn - Đảnh v.v... tức là nắm lấy tất cả pháp phương tiện thành tựu bậc Hiền tướng tợ đạo. Nếu phát khởi chân thật thành Thánh sanh trong cõi Phương tiện hữu dư, nắm lấy các pháp tánh sắc thức v.v... thì thành tựu người thực hành ở cõi đó. Hoặc như Không môn trình bày thể của pháp thật có, nắm lấy thật pháp này đắc con người với tên gọi hữu giả, quán xét ba giả huyễn đối hội nhập không bằng Noãn - Đảnh tức là nắm lấy pháp phương tiện trở thành bậc Hiền tướng tợ đạo. Nếu phát khởi chân thành bậc vô học sanh về cõi phương tiện, nắm lấy các pháp tánh năm ấm thành tựu người thực hành ở cõi đó. Hai môn người, pháp còn lại theo như đây có thể biết. Trong Ma-ha diển nói về người pháp, cũng chẳng nói nhân không - pháp bất không, cũng không nói Thể hữu, Dụng giả, chỉ quán xét giả danh ấm nhập v.v... tánh vốn tự là không, cho nên kinh Đại Phẩm chép: “Sắc tánh như ngã tánh - ngã tánh như như sắc tánh. Bắt đầu từ sơ tâm cuối cùng ở hậu tâm, thường quán xét người pháp đều không”. Vì vậy Đại Luận chép: “Bồ-tát thường quán xét Niết-bàn hành đạo”, vì quán xét nhân không tức là hạt giống liễu nhân, tức như Luận chép: “Chúng sanh vô thường là Phật, Phật tức là Giác, Giác là trí tuệ. Đầu tiên giác ngộ người không - sau giác ngộ pháp không”. Vì thế biết quán xét người không là hạt giống liễu nhân vậy. Quán xét pháp không là hạt giống duyên nhân - Đại Luận chép: “Pháp vô thượng là Niết-bàn, vì ấm sanh tử đoạn diệt nên ấm Niết-bàn khởi lên”. Đại Kinh chép: “Vì diệt sắc nên được sắc thường còn, cho đến thức cũng vậy”. Kinh Đại Phẩm chép: “Lúc Bồ-tát thực hành Bát-nhã đạt được vô đẳng đẳng sắc - vô đẳng đẳng thọ - tưởng - hành - thức” nên biết Niết-bàn là pháp vô thượng, Nắm bắt pháp này thì trở thành chúng sanh vô thượng, gọi là Phật”. Do đó biết quán xét pháp không là hạt giống duyên nhân. Vì quán xét người - pháp không tức là nhận biết ba thứ Phật tánh, cho nên Đại Kinh chép: “Phật tánh của chúng sanh không tức là sáu pháp - không lìa sáu pháp. Không tức là: Ở đây nói về Chánh nhân Phật tánh chẳng phải ấm - chẳng phải ngã, chẳng phải ấm nên chẳng phải pháp, chẳng phải ngã nên chẳng phải nhân chẳng phải nhân nên chẳng phải liễu, chẳng phải ấm nên chẳng phải duyên. Vì vậy nói không tức là sáu pháp. Chẳng lìa sáu pháp là chẳng lìa chúng sanh không mà có liễu nhân, chẳng lìa ấm không mà có duyên nhân, do đó nói không lìa sáu pháp. Phật từ sơ phát

tâm quán xét người - pháp không, tu tập ba Phật tánh, trải qua sáu Tứ vị thành tựu sáu Tứ người - pháp. Nay Quán Thế Âm chưa phải nhân - pháp rốt ráo, tức là người - pháp phần chứng.

Trước một lần hỏi đáp là phân chia giải thích người vô thượng gọi là Quán Thế Âm. Sau một lần hỏi đáp là phân chia giải thích thu nhận pháp vô thượng cho nên gọi là Phổ Môn. Nên biết rằng vì người pháp - nhân duyên, cho nên gọi là Quán Thế Âm Phổ Môn.

Thứ hai là giải thích về Từ bi: Bi là thương xót - Từ là ái niệm. Mẫn cho nên dứt trừ khổ đau - niệm nên ban cho niềm vui. Nếu Bồ-tát chỉ phát khởi tâm từ bi không vững chắc, do đó cần phải phát khởi hồng thệ gia trì khiến cho vững bền, ví như người thợ thủ công tạo ra đồ vật công đoạn tuy là tương ứng nếu không dán keo sơn quét thì có rơi rụng, thệ nguyện như dán keo cũng giống như vậy. Bi tâm thương xót, dứt trừ nhân quả khổ tập cho thế gian phát triển hai thệ nguyện, đó là chúng sanh vô biên thệ nguyện độ, phiền não vô lượng thệ nguyện dứt. Hai thệ nguyện này từ đại bi tâm khởi lên, vì yêu thương, muốn ban cho niềm vui nhân quả xuất thế của Đạo Diệt nên phát triển hai thệ nguyện, đó là pháp môn vô biên thệ nguyện biết, Phật đạo vô thượng thệ nguyện thành.

Hai thệ nguyện này từ tâm đại từ khởi lên. Nhưng trước đây nói về người pháp - thuộc phạm Thánh có khác, nay giải thích về từ bi - đại tiểu cũng khác nhau. Nếu người tu hành giáo Ba tạng thì quán phần đoạn sanh già bệnh chết và tám khổ lập tức phát khởi thệ nguyện: Chúng sanh vô biên thệ nguyện độ. Nếu quán xét phần đoạn điên đảo kết nghiệp bèn phát khởi thệ nguyện: Phiền não vô lượng thệ nguyện dứt. Muốn cho chúng sanh quán xét nhân quả vô thường này sanh diệt lưu động trong từng niệm, tu tập hướng về đạo phẩm lập tức phát khởi thệ nguyện: Pháp môn vô lượng thệ nguyện tri. Nếu quán xét lý vô vi của chân đế thì lập tức phát khởi thệ nguyện: Phật đạo Vô thượng thệ nguyện thành. Như thế, từ bi duyên với Tứ đế Hữu tác mà khởi. Kế là thông giáo quán xét già chết và tám khổ như huyễn như hóa, chúng sanh điên đảo nói là chân thật liền phát khởi thệ nguyện, tham sân si v.v... như huyễn như hóa, chúng sanh điên đảo vì đó phải chịu phiền não liền phát khởi thệ nguyện, quán tức sắc là không - tức thức là không, tức tham sân si dẫu là không, chẳng phải sắc diệt đi là không mà tánh của sắc tự là không, không cũng chẳng thật có, mà chúng sanh không thể “tức sắc là không” liền phát khởi thệ nguyện. Lại quán Niết-bàn nếu có một pháp nào hơn Niết-bàn thì cũng nói pháp ấy như huyễn

hóa, nhưng chúng sanh nói là có Phật đạo, để cầu, liền phát khởi thệ nguyện, là dựa theo Tứ đế vô sanh phát khởi từ bi thệ nguyện. Biệt giáo quán xét pháp giả danh sum la muôn tượng, thuận theo cần phải phân biệt dẫn dắt lợi ích cho chúng sanh, đâu thể chìm nơi không chấp ở chứng. Quán quả khổ này không phải chỉ có một loại liền phát khởi thệ nguyện, khổ vô lượng vì vô lượng tập, tập đã vô lượng thì đối trị cũng vô lượng, diệt cũng vô lượng. Thệ nguyện như vậy, duyên theo nội giới ngoại giới- nhân quả khổ tập - vô lượng Tứ đế mà phát khởi thệ nguyện. Viên giáo quán xét pháp giới viên dung, vốn chẳng phải trái chẳng phải thuận - chẳng sáng rõ chẳng mờ tối - vì vô minh tối tăm thì trái, trái thì có nhân quả khổ tập. Vì trí tuệ sáng tỏ thì thuận, thuận thì có nhân quả đạo diệt. Duyên theo nhân quả trái thuận này mà khởi lên từ bi, ví như đá nam châm không khởi tâm tưởng mà tùy ý hút sắt. Nay từ bi này không khởi chúng sanh cho đến pháp tướng, tự tại dứt trừ đau khổ ban cho niềm vui, nên gọi là Từ bi vô duyên. Bồ-tát thuận theo sơ phát tâm tu tập Từ bi vô duyên trải qua sáu Tức vị, nay Quán Âm này là phần chứng từ bi. Nếu một lần hỏi đáp trước đây nói về Vô duyên đại bi bạt khổ, một lòng xưng niệm danh hiệu liền được giải thoát, thì một lần hỏi đáp sau đó thuận theo Vô duyên đại từ Phổ Môn ban cho niềm vui, đều khiến cho được độ. Vì thế biết vì nhân duyên đại từ bi cho nên gọi là Quán Thế Âm Phổ Môn.

Thứ ba là giải thích về phước tuệ: Cũng gọi là Định tuệ, Định gọi là tĩnh ái - Tuệ gọi là quán sát. Đại Luận chép: “Định yêu thương tuệ thúc đẩy, trí vắng lặng soi chiếu chẳng tối tăm nào không sáng sửa, như gương sáng treo cao giữa nhà, phước đức thiền định thuần thực sâu dày giúp đỡ phát ra, như đèn sáng dầu sạch, cũng gọi là mắt chân đầy đủ được đi vào hồ thanh lương, hồ chính là Niết-bàn, Niết-bàn gọi là hai thứ trang nghiêm - trang nghiêm Pháp thân”. Giải thích về định tuệ này đương nhiên có nhiều loại. Tam tạng dùng vô thường quán xét lý làm Tuệ, dùng các thiền định trong sự làm phước, dùng định giúp đỡ tuệ phát khởi lý chân vô lậu thiên nhiên gọi là pháp thân. Thông giáo chỉ dùng Thế pháp khác quay về phân tích pháp này. Như Biệt giác dùng duyên tu trí tuệ và các thiền định giúp đỡ khai bày Trung đạo Pháp thân. Viên giáo dùng thật tướng quán xét làm tuệ, thật tướng định vắng lặng làm phước, cùng hiển bày lý chẳng phải định chẳng phải tuệ, gọi là thật tướng Pháp thân. Nay Viên giáo Bồ-tát, thuận theo sơ phát tâm tu tập định tuệ không hai này trải qua nơi sáu Tức, Quán Âm sở dĩ dùng trí sáng soi chiếu khổ đau vì khổ là điên đảo mê hoặc mà gây nên, trí

tuệ là pháp phá trừ mê hoặc, cho nên trí tuệ có thể dứt trừ khổ đau. Kinh Hoa Nghiêm chép: “Lại phát ra ánh sáng gọi là trí tuệ, lại phát ra ánh sáng gọi là vô não, suy nghĩ ích lợi cũng như vậy”. Thỉnh Quán Âm chép: “Phát ra ánh sáng thanh tịnh diệt trừ rộng khắp si ám tối tăm”. Vì vậy biết hỏi đáp trước đây thuận theo căn cơ dứt trừ đau khổ, là từ nơi tuệ trang nghiêm để được tên gọi, hỏi đáp sau đó trú nơi Thủ lăng nghiêm hiện rõ sắc thân rộng khắp, không khởi lên diệt định hiện rõ oai nghi này, an thiền ngàn bài kệ khen ngợi các đấng Pháp Vương, vì thế biết Phổ Môn thị hiện từ phước đức mà được tên gọi, vì phước tuệ nhân duyên nên gọi là Quán Thế Âm Phổ Môn.

Thứ tư giải thích về Chân ứng: Chân là không giả tạo không lay động, ứng là xứng hợp vừa vặn với căn duyên, Tập Tạng gọi là thân. nếu khế hợp với lý Thật tướng không giả tạo không lay động, ngay đó có thể xứng hợp cơ duyên mà cảm ứng, ví như nắm đèn gương thì hình bóng liền hiện ra, chân ứng như vậy không lia nhau được. Nếu ngoại đạo tác ý tu thần thông tuy có thể biến hóa, ví như gạch đá thì hình ảnh cảnh vật không hiện rõ, chẳng lẽ đây có thể là ứng hay sao? Vẫn còn chưa phá trừ bốn Trụ, biểu hiện về chân lý nghiêng lệch sao bỗng nhiên có chân ứng Trung đạo được? Nếu Nhị thừa biến hóa tu thần thông đã đạt được thì điều này cũng chẳng phải ứng, ví như bức họa tác ý mới thành tựu rõ ràng không giống nhau. Đại Thừa không như vậy, đạt được Thật tướng chân ví như được gương sáng, không cần phải tác ý mà cảnh sắc hình tượng trong pháp giới lập tức đối diện lập tức cảm ứng; giống như gương miêu tả cảnh tượng khác với chân không, lúc này mới gọi là Chân tịch thân ứng. Bồ-tát thuận theo sự phát tâm trải qua nơi sáu Tức, nay Kinh - trước hỏi đáp nói về chân tịch mà không lay động lợi ích lớn cho pháp giới, Quán Âm từ chân thân mà được tên gọi. Hỏi đáp sau đó nói thuận theo cơ duyên lợi ích rộng rãi ẩn hiện nhiều hạng mục, Phổ Môn là từ ứng thân mà được tên gọi. Bởi do nhân duyên chân ứng, nên gọi là Quán Thế Âm Phổ Môn.

Thứ năm là giải thích về thân Dược Thọ Vương và thân Như Ý Châu Vương: Dược Vương chữa trị tai họa khổ đau, “xuất xứ từ kinh Nại Nữ”, Châu là vật báu như ý. Trải qua các giáo mở rộng trình bày trị bệnh có được vật báu, nay dựa theo Viên giáo nói về điều ấy, như kinh Hoa Nghiêm chép: “Có cây thuốc thượng hạng - rễ cây đó đi sâu vào - cành lá phân bố bốn phía, thân rễ cành lá đều dùng để chữa bệnh, nghe mùi hương - chạm vào thân đều được lợi ích, Bồ-tát cũng như vậy, đại bi xông ướp thân hình - âm thanh lợi ích chúng sanh gọi là Đại

Được Vương. Thân lại giống như ngọc Như ý. Ngọc châu có thể tuôn ra châu báu như mưa khắp đại thiên tùy ý mà không cùng không tận, Bồ-tát đại từ xông ướp thân ban cho chúng sanh niềm vui, gọi là Như ý Châu Vương. Thân này cũng dựa theo sáu Tức mà phân định địa vị”. Chính ở lần hỏi đáp trước khắp nơi cứu giúp mọi u ách khổ nạn, đây là từ thân Được Vương để được tên gọi. Từ lần hỏi đáp sau đó xứng hợp thỏa đáng các mong cầu, mưa xuống cơn mưa thật tướng đạt được niềm vui Niết-bàn, đây là tử thân Như Ý Châu Vương để được tên gọi. Do đó biết nhân duyên hai thân gọi là Quán Thế Âm Phổ Môn.

Thứ sáu giải thích về hai lợi ích ẩn và hiển: Ẩn là kín đáo bí mật - Hiển là rõ ràng lộ ra. Bạc Đại Thánh thường dùng hai lợi ích làm cho tất cả yên ổn, mà chúng sanh cho đến phàm phu ngày ngày sử dụng nhưng không biết, ví như mặt trời mặt trăng soi sáng thế gian, người mù tuy không nhìn thấy mặt trời mặt trăng nhưng thực tế chịu ân mặt trời, mặt trăng sâu sắc. Vì thế Được Thảo Dụ chép: “Nhưng các loài cỏ cây không hay không biết chỉ cùng là một đất, sanh ra loài dưới thấp không biết loại trên cao có hai lợi ích ngấm kín và hiển lộ. Như Văn Thù không biết thần lực của Diệu Âm thật hiện ra, vì không biết cho nên gọi là lợi ích ngấm kín”. Đây là cứng dựa theo sáu Tức phân định địa vị. Nếu ngay lần hỏi đáp trước kia, không thấy hình dạng âm thanh mà bí mật chịu sự giúp đỡ sâu sắc, gọi là lợi ích ngấm kín. Lợi ích của bạc Thánh tuy không thể biết rõ, mà bạc Thánh muốn làm cho biết thì loài côn trùng có thể biết. Như lần hỏi đáp sau tự mình nhìn thấy sắc thân được nghe nói pháp, nghe nhìn rõ ràng pháp ích lợi hiển nhiên, cho nên biết Quán Âm từ lợi ích ngấm kín mà được tên gọi, Phổ Môn từ lợi ích hiển lộ mà được tên gọi. Vì nhân duyên ẩn hiển này nên gọi là Quán Thế Âm Phổ Môn.

Thứ bảy giải thích về Quyền thật: Quyền là tạm thời sử dụng - Thật là chẳng phải tạm thời sử dụng. Sơ lược mà nói thì quyền thật có ba loại: 1. Tự hành nói về quyền thật, tự quán xét Trung đạo là thật - hai quán là quyền. 2. Ngay hóa tha mà nói về quyền thật, căn tánh mỗi người không như nhau, hoặc nói quyền là thật - nói thật làm quyền, không có thể phân định chắc chắn, chỉ dựa theo ý người khác để trình bày quyền thật. 3. Tự hành hóa tha kết hợp trình bày quyền thật: Nếu tự quán xét ba đế có quyền có thật, đều gọi là thật, hóa tha thuận theo duyên cũng có quyền có thật, đều gọi là quyền. Sử dụng ba nghĩa này trải qua bốn giáo, lại ngay nơi tự hành quyền thật nói về sáu tức để phân định địa vị. Tìm ý phẩm này là trình bày tự hành hóa tha nói về

quyền thật, trước đây hỏi đáp thuận theo thật trí của tự hành hóa tha để lợi ích chúng sanh, hỏi đáp sau thuận theo quyền trí tự hành hóa tha để lợi ích chúng sanh. Do đó biết nhân duyên quyền thật nên gọi là Quán Thế Âm Phổ Môn.

Thứ tám giải thích về bốn tích: Bốn gọi là thật sự đạt được - Tích gọi là cảm ứng hóa hiện. Nếu chung đường thực hiện bốn tích ấy, thế trí của phàm phu bốn ý khó suy lường, cho đến bốn tích của Biệt giáo. Nếu Viên giáo phát tâm từ vô thủy, ban đầu phá trừ vô minh vốn đạt được Pháp thân ấy gọi là Bốn, lưu truyền hình bóng trăm ức cao thấp không quy định gọi đó là Tích. Hoặc xưa nay phân định chân ứng, phần nhiều sử dụng vị trí trên cao làm chân làm bốn, vị trí dưới thấp làm ứng làm tích, từng vị trí truyền nhau thực hiện phân định này, chân - bốn chỉ căn cứ vào nơi cao, ứng - tích chỉ nhằm vào nơi thấp. Nghĩa lý này không thích hợp. Nay trình bày tường tận về bốn tích thì khác nhau so với chân ứng. Bốn là thực sự đạt được, bắt đầu ngồi ở đạo tràng cho đến Sơ Trụ đã đạt được Pháp thân tức là Bốn, Tích là Phật ở địa bậc trên cho đến làm Bồ-tát địa bậc trên đều gọi là Tích, không thể vì địa bậc trên là cao cho nên xưng đó là Bốn, mới đạt được địa vị Sơ Trụ xem đó là Tích, tại vì sao? Vì thật sự không đạt đến địa bậc cao - địa bậc cao chẳng phải là Bốn, thật sự đạt được địa bậc thấp - địa bậc thấp chẳng phải là Tích. Do đó Thọ Lượng chép: “Tùy ý mình - tùy ý người khác, là ý Bốn Tích, ngay nơi Bốn Tích trình bày sáu Tức”. Chính nơi lần hỏi đáp trước không thể nói rõ, chỉ kín đáo giúp đỡ người trước, thuận theo địa vốn có mà được tên, lần hỏi đáp sau hình trạng khác nhau cảm ứng hóa hiện mà độ thoát, thuận theo địa dấu tích mà được tên gọi. Vì thế biết nhân duyên bốn tích cho nên gọi là Quán Thế Âm Phổ Môn.

Thứ chín giải thích về liễu nhân, duyên nhân: Liễu là biểu hiện phát ra - Duyên là cung cấp giúp đỡ. Cung cấp giúp đỡ cho Pháp thân phát ra biểu hiện rõ ràng. Liễu chính là trí quán Bát-nhã, cũng gọi là tuệ hành chánh đạo trí tuệ trang nghiêm. Duyên chính là giải thoát, hành hạnh trị đạo phước đức trang nghiêm. Đại Luận chép: “Một người có thể làm cỏ - một người có thể gieo trồng, gieo trồng dụ cho duyên - làm cỏ dụ cho liễu, nói chung về giáo thì các giáo đều đầy đủ nghĩa duyên liễu”. Nay đích thực trình bày hai thứ nhân trang nghiêm của Viên giáo, Phật có đủ hai thứ quả trang nghiêm, bắt đầu nhân quả này căn bản chính là tánh đức duyên liễu. Tánh đức này vốn tự có chẳng phải thích hợp trước mắt. Đại Kinh chép: “Tất cả các pháp vốn tánh tự là không, cũng vì Bồ-tát tu tập về Không cho nên thấy các pháp không,

tức là liễu nhân vốn tự có sẵn”. Lại chép: “Tất cả chúng sanh đều có vị thiền Sơ Địa”. Tư ích chép: “Tất cả chúng sanh chính là định Diệt tận”. Đây chính là hạt giống duyên nhân vốn tự có sẵn. Dùng hai thứ phương tiện này tu tập dần dần tăng trưởng, phát khởi từ đầu mút lông tơ mà đắc thành - tu tập được như hai cánh tay ôm đại thụ. Ma-ha Bát-nhã định Thủ Lăng Nghiêm. Một khoa này không nói về sáu Tức, chỉ dựa sát vào nghĩa tánh đức căn bản này. Lần hỏi đáp trước thuận theo hạt giống liễu nhân mà được tên gọi. Lần hỏi đáp sau thuận theo hạt giống duyên nhân mà được tên gọi. Vì vậy biết liễu nhân duyên nhân nên gọi là Quán Thế Âm Phổ Môn.

Thứ mười là giải thích về trí đoạn: Ý tất cả các nơi, Trí chính là đầy đủ công đức hữu vi, cũng gọi là Niết-bàn tròn đầy thanh tịnh. Nói công đức hữu vi, tức là nhân thời trí tuệ. Có nghĩa của soi chiếu sử dụng tu tập thành tựu cho nên gọi là hữu vi, nhân tuy vô thường nhưng quả thì thường. Đem nhân đến gọi là quả cho nên nói là đầy đủ công đức hữu vi. Đoạn tức là đầy đủ công đức vô vi, cũng gọi là giải thoát, cũng gọi là phương tiện tịnh Niết-bàn. Nói vô vi ấy là, nếu Tiểu chỉ chọn lấy phiền não diệt - vô vi đoạn, chỉ lìa luống dối gọi là giải thoát, thật ra không được giải thoát tất cả; đây chính là đoạn đức của thể Không. Đại Thừa là đoạn của Thể hữu, không chọn lấy diệt vô vi đoạn, chỉ chọn lấy tùy theo những nơi điều phục chúng sanh, điều ác không thể vấy nhiễm, từ ngoài vào trong tùy ý tự tại không còn trói buộc, gọi là Đoạn Đức. Dựa vào tên gọi công đức vô vi này, nên kinh Tịnh Danh chép: “Không dứt trừ si ái mà Phát khởi các minh thoát”. Lại chép: “Ở nơi các kiến giải không lay động mà tu ba mươi bảy phẩm, ái kiến là hầu hạ, cũng gọi là Như-lai chủng, cho đến năm vô gián đều sanh khởi giải thoát, không có gì vấy nhiễm ngăn trở gọi là giải thoát tất cả, tức là Đoạn đức vô vi; vắng lặng mà thường soi chiếu tức là Trí đức”. Tiểu thừa nguội thân bất trí, đã không có thân đó thì lấy gì đi vào sanh tử, mà lại nói về điều phục không ngăn trở không vấy nhiễm? Diệt trí nơi nào soi chiếu vắng lặng? Trí đoạn như vậy tròn đầy cùng cực cho nên Pháp thân nổi bật, chính là tròn vẹn nghĩa lý ba loại Phật tánh. Pháp thân đầy đủ tức là chánh nhân đầy đủ chẳng phải nhân chẳng phải quả, cho nên nói ẩn kín gọi là Như-lai Tạng - biểu hiện gọi là Pháp Thân, tuy chẳng phải là nhân mà gọi là chánh nhân, tuy chẳng phải quả mà gọi là Pháp thân. Đại Kinh chép: “Chẳng phải nhân - chẳng phải quả gọi là Phật tánh”, chính là chánh nhân Phật tánh này. Lại nói: “Là nhân chẳng phải quả gọi là Phật tánh”, tức ở đây y theo tánh đức duyên liễu đều gọi là nhân.

Lại chép: “Là quả chẳng phải nhân gọi là Phật tánh”, ở đây y theo tu đức duyên liễu đều đầy đủ, liễu chuyển sang gọi là Bát-nhã - duyên chuyển sang gọi là Giải Thoát, cũng gọi là quả Bồ-đề, cũng gọi là quả Đại Niết-bàn, quả đều gọi là quả. Phật tánh thông suốt đối với nhân quả không dọc không ngang. Thời tánh đức, thời ba nhân không dọc không ngang - quả đầy đủ gọi là ba đức. Cho nên, Phổ Hiền Quán chép: “Nhân Đại thừa là thật tướng các pháp, Đại thừa quả cũng là thật tướng các pháp. Trí đức đã đầy đủ vắng lặng mà thường soi chiếu, tùy theo cơ lập tức ứng hiện nhất thời giải thoát, đoạn đức điều phục khắp nơi, đều khiến cho được độ”. Lần hỏi đáp trước thuận theo phần Trí đức đầy đủ mà được tên gọi, lần hỏi đáp sau thuận theo phần đoạn đức đầy đủ mà được tên gọi. Do đó mà biết dùng nhân duyên Trí - Đoạn gọi là Quán Thế Âm Phổ Môn.

Hỏi: Mười nghĩa này là tên gọi xuất xứ từ kinh khác, làm sao có thể sử dụng để giải thích phẩm này?

Đáp: Nghĩa Đại Thừa tất cả các kinh cùng sử dụng, nếu không chấp nhận điều này Phật tánh xuất xứ từ Niết-bàn, năm trụ - hai tử xuất xứ từ Thắng-man, các Sư đâu có thể sử dụng liên thông tất cả các kinh hay sao! Phẩm này văn tuy không có mười tên gọi, tập hợp đem hai lần hỏi đáp viết nên ý mười nghĩa, rõ ràng như vậy có thể hiểu, Nay cũng như trước, lại điểm riêng từng câu một để chứng minh mười nghĩa ấy, như văn chép: “Vì sao tên là Quán Thế Âm?” Lại chép: “Vì nhân duyên này tên là Quán Thế Âm”. Chính là y cứ gọi Người. Văn sau chép: “Phổ Môn thị hiện”, tức là nói về Pháp. “Có những lực oai thần to lớn lợi ích thêm cho nhiều nơi như vậy”, tức là Từ. “Thượng cho bốn chúng” tức là Bi. Muốn biết trí đang nói, mười chín hiện thân nói pháp tức là Trí tuệ. “Trong một lúc lễ lạy được lợi ích về phước đức vô lượng vô biên”, tức là Phước đức. “Nghiệp tự tại”, chính là Pháp thân. Vì sao như vậy? Vì Pháp thân tự tại ở khắp, trí tuệ phù hợp với điểm này cho nên gọi là Nghiệp. Thọ Lượng chép: “Ánh sáng trí tuệ vô lượng vốn đã đạt được nghiệp do tu tập lâu xa, sức oai thần to lớn như vậy. Như Thị là tên gọi đầy đủ tất cả, tức là Nhơn thân. “Phổ Môn thị hiện sức thần thông”, tức là ứng thân. “Đi qua các cõi nước độ thoát chúng sanh”, tức là Dực Thọ Vương thân. “Ở trong tai nạn nguy cấp kinh hãi luôn ban cho sự không sợ hãi”, tức là Như Ý Châu Vương thân. “Phước không hư dối”, tức là lợi ích ngấm kín. “Ba mươi ba thân”, tức là lợi ích hiển rõ. “Hiện thành thân Phật”, tức là thật trí. Hiện bày các thân khác tức là Quyền trí. Thân của Quán Âm chính là Bốn các thân khác tức là Tích,

còn sức thần thông to lớn là Bốn, lực phương tiện là Tích. “Người nghe danh hiệu Quán Thế Âm Bồ-tát này” giống như người có nghe Phẩm này, tức là chứng thật Liễu nhân, “Công đức không phải là ít”, tức là Duyên nhân. “Không đồng ý nhận” vì thường hành xả bỏ, cho đến “Lập tức quan sát âm thanh đó”, quán sát tức là Trí, “Đều được giải thoát” là các loại điều phục chúng sanh. “Tám muôn bốn ngàn chúng sanh đều phát tâm”, là lợi ích tức là đoạn.

- Thứ tư là phân biệt: Hỏi: Người đối với Quán Âm, Pháp đối với Phổ Môn, Phương Đẳng có Phổ Môn Pháp Vương tử nêu lên đối với tên gọi con người, nghĩa này giống nhau thế nào? Đáp: Điều này phải làm thành bốn câu phân biệt, người chẳng phải pháp, pháp chẳng phải người, người chính là pháp, pháp chính là người. Nếu dựa theo Hoa Nghiêm thì ý thứ lớp về địa, trước sanh tử người thực hành chưa là pháp Thật tướng, pháp này cũng chẳng phải người kia. Hoặc làm thành ý không thứ lớp ấy, người chính là Thật tướng - Thật tướng chính là người, người và pháp chẳng phải hai. Như Hữu Môn ba tạng trình bày không có người giả tạm mà chỉ có Thật pháp, pháp này chẳng phải người. Như Không Môn thu nhận Thật pháp thành người giả tạm, người và pháp là hai đối tượng khác nhau, hoặc ở đó không lìa người mà nói về pháp - không lìa pháp mà nói về người. Đây chính là ý hai để chẳng phải người pháp của Trung đạo. Nếu Phương Đẳng đối với Tiểu thừa trình bày Đại thừa nói về người pháp, thì trình bày Tiểu thừa giống như Ba tạng - trình bày Đại thừa giống như Hoa Nghiêm, Bát-nhã - Niết-bàn v.v... trình như vậy. Nay trong Phương Đẳng nói về Phổ Môn, chính là ý Đại thừa. Nay trình bày Phổ Môn là pháp, sao có thể có pháp mà không có người? Nơi kia trình bày Phổ Môn là người, làm sao có thể chỉ có người mà không có pháp? Nơi này thì người và pháp cùng nêu ra, kinh kia nêu ra người - nơi này nêu ra pháp như vậy. Ví dụ như Tiểu thừa trình bày Thân Tử là Trí tuệ bậc nhất, các đệ tử khác đều y cứ pháp môn khác nói bậc nhất. Vốn dùng trí tuệ dứt hoặc chứng chân vô lậu, người khác không có tuệ sao có thể vào đạo? Đã đạt được đạo quả thì quả là biết có tuệ, nhưng tất cả nêu ra Sơ môn đó phân biệt gọi là bậc nhất, ví như lưỡi dao cắt đứt đồ vật cần phải dựa vào sống dao mới có hiệu quả sử dụng, các tâm sở như sống dao mà tâm sở trí tuệ như lưỡi dao; nay nghĩa Phổ Môn cũng như vậy, chỉ dùng pháp nhân duyên cho là tên gọi của Phổ Môn, làm sao có thể không có người liễu nhân ư? Nếu gộp lại thuận theo Quán Âm nêu lên tên gọi ấy, thì điều này thông suốt khắp nơi, muốn làm cho Thế đế không rối loạn nên cùng nêu ra tên gọi khác nhau. Như thân

đầy đủ sáu căn chỉ gọi là mắt tịnh ý tịnh, há có thể không có căn khác hay sao? Phân biệt về từ bi: Hỏi: Nếu đại bi cứu khổ - khổ trừ đi tức là được vui, đại từ cho vui, vui đến tức là trừ khổ, ý sao phân ra hai? Đáp: Luận chung như vậy - riêng khác thì không phải thế. Ví như trừ bỏ tội ở nơi ngục tù, không ban cho năm trần, thì thân tuy tránh khỏi đau đớn mà căn tình chưa vui vẻ, đây chỉ là cứu khổ không gọi là cho vui. Còn như ban cho năm trần ở nơi ngục tù, tai mắt tuy vui thích mà không gọi là trừ khổ, vì thuận theo nghĩa riêng khác đều hiển rõ một bên, do đó riêng nói riêng như vậy. Hỏi: Trong này ý gì mà không nói về hỷ xả? Đáp: Bốn vô lượng tâm về tên gọi tuy có bốn nhưng là ba nghĩa. Đại kinh chép: “Ưu tất xoa - Tất xoa gọi là xả”, xả ấy là hai cái xả, tức là ý của không hai - chẳng phải từ chẳng phải bi, không hai mà hai tức là từ bi. Hỷ là từ vui sanh ra hỷ ban đầu muốn ban vui, chúng sanh đau khổ sâu nặng không thể được vui thì không có gì đáng hoan hỷ. Nếu trừ khổ xong hết tức là có thể được vui, trở lại toại nguyện bản hoài cho nên sau vui thêm vào hỷ, sau khổ đau không có điều này vì thế không khai mở hỷ. Như A Du Gia Vương bảy ngày phải chết, tuy có niềm vui của năm dục nhưng buồn rầu đau khổ trĩu nặng tâm tư, lại như một thân ít chấp nhận khổ nào có thể đoạt lấy niềm vui của một thân; do đó biết khổ sâu nặng không có thể vui vẻ. Hỏi: Thiền chi trình bày hỷ ở trước - chi Lạc ở sau, lại nói thế nào? Đáp: Thiền chi chính là từ nơi thô đi vào tế, trong này chúc mừng người kia được vui vẻ cho nên tâm hỷ ở sau. Lại nữa, ngoại đạo tu bốn vô lượng tâm tự chứng thiền định, dấy lên ý tưởng chuyển vận rộng không, ở kia không có ích lợi thật sự, không thể khiến cho người khác trừ đau khổ đạt được niềm vui, tuy tự mình được định mà pháp thế gian luống dối, mà báo hết trở lại đọa không tránh khỏi nơi khổ đau, tự mình và người khác đều không lợi ích. Nếu nhị thừa tu bốn vô lượng tâm thì chỉ mình trừ đau khổ đối với người khác không ích lợi gì, tự mình trừ phần đoạn mà chưa tránh khỏi Biến dịch, đoạn thân diệt trí chẳng phải niềm vui rốt ráo. Nay Bồ-tát không như thế, chẳng phải phạm phụ hạnh - chẳng phải Hiền Thánh hạnh. Chẳng phải phạm phụ ấy là không giống như tự nhận lấy niềm vui của thiền. Chẳng phải hiền thánh ấy là không giống như tự mình cứu khổ. Không giống như tự nhận lấy niềm vui vì thế chính là ban cho người khác niềm vui, không giống như tự mình cứu khổ cho nên chính là cứu khổ đau cho người khác, cũng chính là dứt trừ đau khổ - chính là ban cho niềm vui, ngay nơi ban cho niềm vui cũng chính là dứt trừ đau khổ, chỉ là phân nói riêng về thế nguyện tương đối, trước nói về dứt trừ đau khổ sau trình bày ban cho

niềm vui như vậy.

Phân biệt về phước tuệ: Hỏi: Quán Âm đối với trí xứng hợp mà dứt trừ đau khổ, Phổ Môn đối với phước nhìn thấy mà được niềm vui gì vậy? Đáp: Trí là ánh sáng đích thực sửa trị tối tăm mê hoặc mê hoặc là khổ não sinh tử, nếu sửa trị cái khổ của tối tăm mê hoặc, há không sử dụng ánh sáng của trí hiểu biết ư? Do đó tên gọi người xứng với trí tuệ tức là dứt trừ đau khổ. Pháp là pháp môn - tên gọi là môn có thể thông suốt, thông suốt đến nơi an lạc của Niết-bàn. Ban đầu luyện tập pháp này là đạt được nhân vui, về sau chứng pháp này là được quả vui, cho nên đối với Phổ Môn này nói về ban cho niềm vui. Hỏi: Phước tuệ cần lẫn nhau, vốn không lìa xa nhau, nếu định mà không có tuệ thì định này gọi là si định, ví như người mù cưỡi ngựa mù chắc chắn rơi xuống hố rớt xuống hào mà không nghi ngờ gì. Nếu tuệ mà không có định thì tuệ này gọi là cuồng tuệ, ví như đốt đèn ở chỗ có gió thổi mạnh, ngọn đèn chao động soi chiếu đồ vật không rõ ràng. Do đó biết tướng phước tuệ giúp đỡ hai vòng bình đẳng có thể luôn luôn vận tải được. Nếu vậy vì sao dùng trí tuệ dứt trừ đau khổ - phước đức ban cho niềm vui? Đáp: Tự có phước đức là trí tuệ thì trí tuệ là phước đức, tự có phước đức chẳng phải trí tuệ - trí tuệ chẳng phải phước đức, Đại - Tiểu thừa đều đầy đủ bốn câu, như Lục độ Bồ-tát tu Bát-nhã, phân chia Diêm-phù-đề thành bảy phần, đây là thế trí không thể dứt trừ hoặc chướng, đây hãy còn thuộc về phước đức thâm nhiếp, tức gọi phước này là trí, trí này là phước không thể dứt trừ hoặc chướng. Nếu người hàng Thanh-văn trí tuệ có thể đoạn giống như gọi là trí tuệ chẳng phải phước đức, như La-hán đối. Nếu phước đức chẳng phải thế trí cũng chẳng phải xuất thế trí ấy là như voi trắng. Nếu Đại thừa bốn câu tức là: Địa tiền bên Biệt giáo có ba mươi tâm mỗi hành gọi là phước đức, tuệ hành gọi là trí tuệ. Tuệ này không thể phá trừ vô minh, tuệ này còn thuộc về phước đức, vì không phá trừ vô minh, phước này là trí tuệ phương tiện đối trị chấp tướng. Nếu Địa tiền đều gọi là phước đức, thì ở địa đều gọi là trí tuệ, trí tuệ này chẳng phải phước đức - phước đức chẳng phải trí tuệ, Phương Đẳng - Bát-nhã còn mang Tiểu thừa nói về Đại thừa, hoặc đeo mang phước tuệ Tiểu thừa như bốn câu trước, trình bày phước tuệ rộng lớn như bốn câu vừa nêu. Nay Phổ Môn này gọi là phước tuệ, phước tức là tuệ, tuệ chính là phước, phước tuệ không hai, cho nên Đại Luận chép: “Người tôn quý tuyệt vời như vậy thì có thể thấy Bát-nhã, làm sao tuệ này có thể là không có định đạt được định Thủ Lăng Nghiêm đâu từng không có tuệ”.

Luận chép: “Kiện tướng Tam-muội có thể phá tan địch mạnh”.

Đại kinh chép: “Phật tánh có năm tên gọi, cũng gọi là Bát-nhã - cũng gọi là Sư Tử Hống, cũng gọi là Thủ Lăng Nghiêm - cũng gọi là Kim Cương Phật Tánh... tức là tên gọi của định tuệ đầy đủ”. Chẳng thiên nào không có tuệ, chẳng tuệ nào không có thiên, thiên tuệ không hai, không hai mà hai, phân ra riêng khác mà nói thì thành hai cách hiểu về định tuệ. Vì vậy Thích Luận giải thích Bát-nhã nói về mười tám không, giải thích Thiên Định nói về một trăm lẻ tám Tam-muội, đây là hai nói - hai chính là không hai.

Phân biệt về chọn từng: Cũng có khác nhau về bốn câu: chẳng phải chân chẳng phải ứng, ứng mà chẳng phải chân, chân mà chẳng phải ứng, vừa là chân - vừa là ứng. Nếu chẳng phải chân - chẳng phải ứng, điều này ngay lý có thể hiểu. Còn chính là phàm phu, vì không thấy lý, chẳng phải chân là không có dụng cho nên chẳng phải ứng, điều này cũng có thể hiểu. Ứng mà chẳng phải chân ấy, ngoại đạo cũng đạt được năm thân thông cùng người khác thi hành cảm hóa, thông suốt mà luận cũng đạt được ứng này nhưng không được gọi là chân. Chân mà chẳng phải ứng ấy, người hàng Nhị thừa đi vào chân dứt trừ kiết hoặc, đoạn thân diệt trí không thể nào phát khởi ứng. Đây cũng là tổng quát nói về chân đó như vậy. Vừa là chân vừa là ứng, đây thì hiển rõ riêng Trung đạo làm nhân, ngay nơi chân mà nói về dụng làm ứng. Chân ứng không hai, không hai mà hai ấy cho nên nói chân ứng như vậy. Nay dựa vào văn cùng nêu ra: 1. Vừa nói về chân ứng: Lần hỏi đáp trước tình bày về chân thân thường ích lợi, lần hỏi đáp sau nói về ứng thân gián đoạn lợi ích. Thường và gián đoạn không có thể lìa xa nhau như hai chim cùng bay. 2. Vừa rồi nói về chân thân vừa thường hằng vừa không thường hằng ứng thân vừa gián đoạn vừa không gián đoạn. Nếu Tiểu thừa nói về nghĩa, ví dụ như Thiện Cát trong hang đá quán “Không”, thấy Pháp thân Phật, Ni Liên Hoa thì không thấy. Điều này há không phải là nghĩa ích lợi thường hằng và không thường hằng của chân thân trong Tiểu thừa hay sao?! Ứng thân trượng sáu cũng có thấy - không thấy, điều này há chẳng phải nghĩa gián đoạn, không gián đoạn của ứng thân hay sao?! Pháp thân Đại thừa cũng như vậy, đối với lý là ích lợi thường hằng - đối với tình là ích lợi không thường hằng, ứng thân cũng như thế, duyên này diệt đi duyên kia dấy lên không có dứt bật là nghĩa không gián đoạn, đồng một bản chất mà thấy khác nhau là nghĩa gián đoạn. Mà nay phân biệt: một hướng là: lần hỏi đáp trước thuộc về ích lợi thường hằng lần hỏi đáp sau thuộc về ích lợi không thường hằng.

Phân biệt hai thân Được Chầu: Được có công thuộc năng chữa

lành bệnh dứt trừ khổ, cũng có công dụng giữ thân thể tăng thêm thọ mạng đến mức quý báu. Vì thế kinh chép: “Nếu bảo toàn thân mạng tức là đã được đồ chơi quý giá. Như ý Châu Vương không những rước châu báu như mưa mà cũng có thể trừ bệnh Đại Thí Thái Tử xuống biển được ngọc châu trở về chữa trị mắt cho cha mẹ. Đại Phẩm chép: “Nếu người đau mắt đeo ngọc châu trên mình thì bệnh liền trừ khỏi”. Vì thế biết thông suốt đầy đủ hai nghĩa. Nếu tách biệt căn cứ vào một phía, ước định trừ diệt tai họa dùng thí dụ Được chứng minh cho vui để so sánh với ngọc châu như vậy.

Phân biệt hai lợi ích ngầm kín và hiển rõ: Tất cả có ba mươi sáu câu.

Phân biệt hai trí quyền thật: Lần hỏi đáp trước thật trí chiếu soi chân mà chúng sanh được độ thoát, quyền trí chiếu soi giả mà chúng sanh được độ, độ là độ quyền cũng độ ở thật, thoát là thoát chân cũng thoát ở giả. Trả lời điều này cũng có đủ bốn câu, hoặc dựa vào chơi trí, giải thoát ở quyền, bảy nạn tiêu trừ - hai nguyện cầu thỏa mãn là vậy, hoặc dựa vào chơi trí, giải thoát ở thật, ba độc đều lìa, hoặc dựa vào quyền trí được độ ở thật, ba mươi ba thân được độ là vậy, hoặc dựa vào quyền trí được độ ở quyền, ở trong tai nạn ép ngặt kinh sợ được không sợ hãi là vậy. Hoặc cả hai đều độ thoát, hoặc cả hai đều không độ không thoát. Nay y theo văn phân định cùng nêu ra một phía, văn trước thoát ở quyền - văn sau độ ở Thật.

Phân biệt về Bốn tích: Luận chung về bốn tích cùng có thể dứt trừ khổ - ban cho vui, cho nên phẩm Thọ Lượng chép: “Nghe Phật thọ vô lượng được quả báo thanh tịnh vô lậu vô lượng”. Tức là từ Bốn được niềm vui. Kinh Thỉnh Quán Âm chép: “Hoặc đạo chơi nơi địa ngục đại bi thay thế chịu khổ”. Đây là từ nơi tích dứt trừ đau khổ. Chúng sanh không thông hiểu nguồn gốc về sau trôi lăn khổ não, nếu nhận thức được bốn lý thì ở ngay trong khổ mà được giải thoát. Nếu chúng sanh không thấy trong tích thực thi hóa độ, không thể gieo trồng phước nơi ba nghiệp thì không có nhân của công đức, làm sao gây nên quả vui, chẳng phải bốn không vì lưu tích - chẳng phải tích không vì hiển bốn, lần hỏi đáp trước là nói về tích bốn, lần hỏi sau là nói về bốn tích. Hỏi: Bốn tích và chân ứng khác nhau thế nào? Đáp: Chân ứng dựa vào một đời giải thích về không gian (hoành), như các kinh đã nói, bốn tích dựa vào ba đời luận bàn theo thời gian (thụ), như Thọ Lượng đã giải thích.

Phân biệt về duyên liễu: Hỏi: Duyên liễu đã có tánh đức thiện thì cũng có tánh đức ác hay không? Đáp: Có đủ.

Hỏi: Xiển-đề và Phật dứt những thiện ác nào?

Đáp: Xiển-đề dứt bất tu thiện tận cùng, chỉ tánh thiện đang còn, Phật dứt tu ác tận cùng nhưng tánh ác vẫn còn.

Hỏi: Tánh đức thiện ác sao không thể dứt?

Đáp: Tánh thiện ác chỉ là pháp môn thiện ác, tánh không thể thay đổi trải qua ba đời không ai có thể ủy hoại, lại không thể dứt trừ phá hoại, ví như ma tuy đốt kinh đầu thế khiến cho pháp môn tánh thiện chấm dứt, dù làm cho Phật đốt hết sách ác cũng không thể nào làm cho pháp môn ác tận cùng được. Như đời Tần đốt sách vở chôn sống học trò, há có thể khiến cho thiện ác dứt bất tận cùng ư?

Hỏi: Xiển-đề không dứt mất tánh thiện còn có thể khiến cho tu thiện phát khởi, Phật không dứt tánh ác lại khiến cho tu ác phát khởi hay sao?

Đáp: Xiển-đề đã không đạt được tánh thiện, vì không đạt được cho nên lại bị thiện làm nhiễm, tu thiện được phát khởi rộng đối trị các tánh ác, Phật tuy không dứt trừ tánh ác mà có thể thấu suốt đối với ác, vì thấu suốt ác cho nên đối với ác tự tại không bị ác nhiễm, không khởi tu ác, không bao giờ còn ác cho nên tự tại rộng ra dùng các pháp môn ác hóa độ chúng sanh, suốt ngày sử dụng mà suốt ngày không vấy nhiễm, không vấy nhiễm cho nên không phát khởi, làm sao có thể dùng Xiển-đề để so sánh ư? Nếu Xiển-đề có thể thấu suốt thiện ác này, thì không trở lại gọi là nhất Xiển-đề. Nếu dựa theo người khác trình bày Xiển-đề dứt trừ không còn thiện vì thức A-lại-da vốn huân tập lại có thể phát khởi thiện, A-lại-da chính là vô ký vô minh, thiện ác nương vào gìn giữ làm tất cả hạt giống. Xiển-đề không dứt trừ vô minh vô ký cho nên trở lại phát sanh thiện, Phật dứt trừ vô ký vô minh không còn gì huân tập cho nên ác không còn trở lại phát sanh. Nếu muốn dùng ác cảm hóa mọi vật, chỉ thực hiện thần thông biến hóa rõ ra để độ chúng sanh như vậy.

Hỏi. Nếu Phật địa dứt trừ ác lại thực hành thần thông dùng ác cảm hóa mọi vật, thì đâu phải tác ý mới có thể khởi ác, như người họa vẽ các màu sắc ảnh tượng chẳng phải là tùy ý, như gương sáng tỏ không lay động thì cảnh sắc hình bóng tự hiện ra, có thể là lý không thể nghĩ bàn có thể tùy theo ác. Nếu tác ý ấy so với ngoại đạo đâu khác nhau?

Nay nói Xiển-đề không dứt mất tánh đức thiện gặp được duyên thiện phát ra, Phật cũng không dứt trừ tánh ác mà bởi cơ duyên kích thích thích bởi Từ lực huân ướp, đọa vào A-tỳ đồng với tất cả các ác sự hóa độ chúng sanh, vì có tánh ác cho nên gọi là không đoạn, không trở lại tu ác gọi là không thường. Nếu tu tánh đều không còn thì là đoạn

không được vì không dứt không thường, Xiển-đề cũng như vậy, tánh thiện không dứt trừ trở lại sanh ra thiện căn, tánh ác Như-lai không đoạn dứt trở lại có thể khởi ác, tuy khởi đối với ác mà là hiểu rõ tâm không vấy nhiễm, thông suốt phần hạn của ác tức là thật tế, có thể dùng tướng năm nghịch mà được giải thoát, cũng không trói buộc không thoát khỏi, hành nơi chẳng phải đạo mà thông suốt Phật đạo, Xiển-đề vấy nhiễm mà không thấu hiểu so với đây là khác nhau.

Phân biệt về trí đoạn: Đây là một pháp mà khác tên gọi không thể xa lìa nhau, như người có một thân vì sao từ trí dứt trừ đau khổ - ban cho vui vẻ? Nhưng tâm của tuệ giải xứng hợp với trí, thân không ràng buộc chướng ngại, xứng hợp với đoạn, ví như người bị trói, vận lực thuộc về trí tự cảm thấy phụ thêm bên ngoài thuộc về đoạn, vận động sức lực thuộc về tâm, nên gọi là trí tuệ trang nghiêm, phụ thêm đoạn thể chất phân tán thuộc về sắc thân gọi là trí tuệ phước đức trang nghiêm. Nay kinh văn nói và giải thích không thể trong một lúc, cho nên cùng nêu ra trí - đoạn. Nếu người hiểu được sâu sắc ý mười nghĩa này, hiểu rõ một ngàn thuận theo, giải thích rộng rãi về nghĩa Quán Thế Âm Phổ Môn thì không thể cùng tận.

Thứ hai giải thích riêng tên gọi: Chia làm hai, trước nói về Quán Thế Âm, kế nói Phổ Môn. “Vì sao gọi là Quán Thế Âm”, tổng quát giải thích như trước. Biệt giải thích dùng cảnh trí nhân duyên cho nên gọi là Quán Thế Âm. Thế nào là cảnh trí? Cảnh trí có hai: 1. Cảnh trí nghĩ bàn. 2. Cảnh trí không nghĩ bàn.

Cảnh trí nghĩ bàn lại có hai: 1. Dựa theo lý bên ngoài. 2. Dựa theo lý bên trong.

1. Lý bên ngoài chia làm bốn:

a. Cảnh trí thiên nhiên. Chỉ hỏi cảnh này là tương xứng theo cảnh cho nên là cảnh hay theo trí cho nên cảnh? Trí này tương xứng theo trí cho nên trí hay theo cảnh cho nên trí? Nếu theo cảnh cho nên là cảnh thì cảnh này là cảnh, cảnh tức là cảnh tự sanh ra. Nếu trí theo trí cho nên là trí cũng là trí tự sanh khởi, tự sanh khởi gọi là tánh tự như vậy, chẳng phải Phật - trời - người làm ra, chiếu soi và không chiếu soi thường là cảnh trí, cho nên gọi là cảnh trí thiên nhiên.

b. Nói về đối đãi: Nếu cảnh không tự là cảnh nhờ vào trí cho nên là cảnh, trí không tự là trí nhờ vào cảnh cho nên là trí, đây chính là nghĩa từ nơi khác nảy sinh, vì sao như vậy? Vì cảnh tự sanh ra cảnh đã gọi là tự, lấy cảnh hướng về trí, trí tức là Tha. Nay cảnh từ trí sanh ra há chẳng phải là Tha cảnh? Trí cũng như vậy cho nên gọi là đối đãi nhau.

c. Trình bày cảnh trí nhân duyên: Nếu cảnh không do trí cho nên là cảnh cũng không do cảnh cho nên là cảnh, thì trí cảnh nhân duyên cho nên là cảnh, trí cũng như vậy. Đây chính là nghĩa cảnh trí nhân duyên cùng nhau sanh khởi. Cùng nhau sanh khởi có hai là vượt qua và rơi vào trong tự - tha tánh.

d. Tuyệt đãi nói về cảnh trí: Chẳng phải cảnh chẳng phải trí mà nói cảnh trí, đây chính là lia cảnh lia trí không nhân duyên mà giải thích về cảnh trí ấy, đây là không nhân duyên tuyệt đãi, từ nhân duyên hãy còn không thể đạt được huống chi không nhân duyên? Xưa nay cho rằng tuyệt lý mà tận cùng không thành tuyệt đãi, đều là hành tâm bên ngoài lý vọng tưởng suy xét tới, cho nên Trung Luận chép: “Các pháp không tự nhiên sanh ra, cũng không từ nơi khác sanh ra, không cùng nhau không có nhân duyên, vì thế cho nên nói vô sanh”. Đâu được như bốn loài trước, suy xét chấp rằng là thật - còn lại là vọng ngữ. Chấp tánh thật thấy yêu thích sanh ra đấm trước chín mười tám sử, khổ tập mặc tình trôi lăn không ngừng, vì sao hấp vào đây mà sanh ra khổ tập? Tùy theo chấp vào một loại cảnh trí nói bởi là đúng, tùy thuận tâm khen ngợi thì ái trước mà sanh ra vui mừng, tức là tham sử. Nếu người làm trái lại tâm trách móc phỉ báng thì phẫn nộ mà sanh ra sân nhuế, tức là sân sử. Tham sân đã khởi lên há chẳng phải si sử hay sao? Minh hiểu rõ cảnh trí thì này mà người khác vốn không hiểu, vì cái chấp đó kiêu căng ngạo mạn đối với người há không phải mạn sử? Đã chấp điều này là đúng, nay tuy không nghi ngờ về sau sẽ nghi hoặc vô cùng há chẳng phải là nghi sử ư? Minh hiểu biết pháp này, trong pháp suy tính là mình há chẳng phải thân kiến ư? Sáu mươi hai kiến tùy đó rơi vào một phía há chẳng phải là biên kiến ư? Vọng chấp như vậy thông thích hợp đạo lý há chẳng phải tà kiến hay sao? Chấp đây là thật suy xét là Niết-bàn há chẳng phải kiến thủ quả đạo hay sao? Cho rằng đây là Đạo nhân đó tiến hành há chẳng phải là giới thủ nhân đạo ư? Mười sử quanh co như vậy đều từ cái chấp cảnh trí trước khởi lên, đem điều này trải qua ba cõi bốn đế thì có tám mươi tám sử. Ngay nơi tư duy trải qua ba cõi thì có chín mươi tám sử, đây là tập đế kiết nghiệp điên đảo vô cùng rộng lớn, mới chuốc lấy quả khổ sanh tử không ngừng, đối với cảnh trí đó không nhận biết khổ tập, thì chỗ nào có đạo diệt? Đã không nhận biết bốn đế thì phá bỏ nhân quả thế gian và xuất thế gian, không có pháp thế gian và pháp xuất thế gian cho nên không có Pháp bảo, không nhận biết quả xuất thế cho nên không có Phật bảo, không nhận biết nghĩa của nhân xuất thế cho nên không có Tăng bảo Hiền Thánh. Tất cả đều đánh mất.

Nếu dấy lên chấp cảnh trí tự nhiên sanh như vậy, chỉ là kết ràng buộc sanh tử, tăng thêm kết nghiệp tai họa lỗi lầm rất nhiều. Nếu chẳng phải lý bên ngoài thì cảnh trí lấy gì làm lý bên ngoài vậy? Do đó, Đại Luận chép: “Nói ba thứ phạm phu, kiến mạn và danh tự, bậc Thánh chỉ nói một loại là danh tự”. Nay phạm phu kiến mạn giữ lấy chấp trước sai lầm sử dụng lời Phật, ở giữa hai bên như vậy giữ lấy chấp trước trái với lý thành ra tranh cãi, tuy dựa theo kinh luận dẫn chứng văn tự, giống như sâu mọt ăn tượng gỗ thành chữ, tìm trong tâm đó thật sự không thể hiểu là chữ hay chẳng phải chữ, miệng nói cảnh trí mà không hiểu cảnh trí, vì không hiểu cho nên như uống cam lộ, tức dùng cảnh trí khởi lên kiến chấp tổn thương mạng chết sớm, vì thế bị Long Thọ phá đổ. Nay không chọn lấy điều này làm cảnh trí để giải thích Quán Thế Âm, tự sanh ra cảnh trí đã như vậy thì ba câu còn lại cũng thế.

2. Nói về cảnh trí nghĩ bàn lý bên trong: cũng thực hành bốn phần trên, danh tự tuy giống nhau mà quán trí thuần thực không sinh ra chấp kiến, hoàn tất cho nên không tạo ra cái mới trở thành đạo phương tiện. Phát sinh Noãn Đảnh cho đến mười sáu tâm nhãn, trí, minh, giác bỗng nhiên đặc ngộ, phá các kiến hoặc cùng tương ứng với lý, giống như người mù vàng thật giả phân biệt chính xác rõ ràng không sai. Chân quán này gọi là trí, lý được soi chiếu gọi đó là cảnh, vì phát sinh vô lậu cho nên xứng hợp cảnh trí bên trong lý. Tuy quán lý này mà cuối cùng là tác ý đi vào chân, cho nên gọi là cảnh trí nghĩ bàn. Nay nói về Quán Thế Âm cũng không thuận theo nhân duyên cảnh trí này mà được tên gọi.

Kế là nói về cảnh trí không thể nghĩ bàn: Nếu tự và tha đều có các nhân v.v... bốn câu đều chẳng phải cảnh trí, tức là các kinh luận nay đã trình bày hoặc từ nơi tự sanh - tha sanh - cộng sanh không có nhân v.v... Nếu không như vậy, sao nói là giải Thích-cảnh trí được? Đáp: Trong kinh trình bày, đều là bốn tất-đàn thích ứng duyên mượn danh tự mà nói, không chấp vào bốn tánh. Nếu người vui mừng nghe tự nhiên sanh ra cảnh trí, liền nói cảnh là tự cảnh - trí là tự trí, vì thích ứng tâm vui mừng mong muốn đó, hoặc lúc nên nghe tự trí tự cảnh nghe chắc chắn phát sanh thiện, hoặc lúc đối trị nói tự sanh ra cảnh trí, nói chắc chắn phá mê hoặc, có lúc nói điều này khiến cho lập tức ngộ đạo. Nếu không có bốn tất-đàn ích lợi, chư Phật Như-lai không thể uống công nói pháp, tuy làm ra bốn nói mà không chấp vào bốn loại, không chấp cho nên không có kiến ái. Chúng sanh nghe điều ấy như thúc ngựa thấy bóng cây roi, lập tức phá mê hoặc đi vào đạo cho nên gọi là trí: Từ trí

này soi chiếu gọi đó là cảnh, thông suốt như vậy thì nhận biết khổ tập đạo diệt, Tam bảo Tứ đế tự nhiên đầy đủ. Nếu dùng trí soi chiếu cảnh đi vào “Không” giữ lấy chứng, thành tự cảnh trí nghĩ bàn bên trong lý chân đế như trước đã nói. Nếu không lấy quả làm chứng, biết cảnh trí này chỉ có danh tự gọi là cảnh trí, là chữ không ở trong - ngoài - trung gian, là chữ không trụ cũng không thể không trụ, vì là chữ không vốn có. Tuy làm ra bốn câu trình bày cảnh trí mà thật sự không phân biệt cảnh trí bốn câu, Tuy làm ra bốn câu nghe về cảnh trí mà thật sự không đạt được cảnh trí bốn câu, tuy đích thân thấu hiểu bốn câu cảnh trí mà thật sự không làm ra bốn câu suy nghĩ về cảnh trí; ngôn ngữ đạo đoạn - tâm hành xứ diệt, không thể bốn câu tư duy toan tính, cho nên gọi là cảnh trí không nghĩ bàn. Kim Quang Minh chép: “Trí không nghĩ bàn soi chiếu cảnh trí không nghĩ bàn”. Điều này đầy đủ như trong Đại Bản Huyền Nghĩa Cảnh Trí Diệu giải thích rộng. Long Thọ trước tiên phá bỏ thời gian không gian nhất dị sau đó giải thích nghĩa “Tôi nghe như vậy v.v...!” Nay tương tự điểm này trước tiên phá bỏ cảnh trí bên ngoài lý, sau đó trình bày bốn tất-đàn không thể nghĩ bàn, nghĩa của tất-đàn giống như Đại Bản Huyền Nghĩa. Phàm dựa vào danh tự làm tiện lợi, cần phải trước tiên nói về quán trí, kế là giải thích về âm của cảnh thế gian. Nếu giải thích nghĩa làm tiện lợi, trước nói về cảnh thế gian, kế đến giải thích về quán trí, như trước đó có cảnh có thể được nói về quán, nếu chưa có cảnh thì nơi nào có thể quán. Ví như cảnh phát động sau mới chiếu soi. Nay thuận theo nghĩa tiện lợi, trước tiên nói về Thế Âm, sau nói về Quán trí vậy. Thế ấy chia làm ba: Một là ngũ ấm thế gian, hai là chúng sanh thế gian, ba là cõi nước thế gian. Đã có thật pháp thì có người không thật, giả thật chính đang thành tựu tức có y báo, cho nên gọi là ba loại thế gian. Thế là cách biệt tức là Thế của mười pháp giới cũng là mười loại ngũ ấm, mười loại giả danh, mười loại y báo, cách biệt không giống nhau cho nên gọi là Thế. Gian là tách ra sai khác, ba mươi loại thế gian sai khác không sai lầm hỗn loạn lẫn nhau, cho nên gọi là Gian, Tất cả đều có nhân - tất cả đều có quả, cho nên gọi là Pháp. Tất cả đều có ranh giới bờ cõi phân chia như nhau, cho nên gọi là Giới. Nay ngay nơi một pháp giới lại có mười pháp, đó là “như thị tướng tánh rốt ráo v.v...” Mười Giới tức là có một trăm pháp, mười Giới qua lại lẫn nhau thì có một ngàn pháp, các pháp như vậy đều là nhân duyên sanh pháp, Lục đạo là mê hoặc nhân duyên pháp, Tứ Thánh là hiểu rõ nhân duyên pháp. Đại Kinh chép: “Vô lậu cũng có nhân duyên, nhân diệt - vô minh chính là ba ngọn đèn Bồ-đề, các pháp nhân duyên này tức là

ba đế, pháp từ nhân duyên sanh - ta nói chính là không, cũng gọi là giả danh - cũng gọi là nghĩa Trung đạo”. Do đó nói về mười loại pháp giới - ba mươi loại thế gian, chính là cảnh của sở quán cảnh này lại chia làm hai, đó gọi là tự - tha. Tha ấy gọi là chúng sanh - Phật, tự ấy chính là tâm mà lại có đủ. Như Hoa Nghiêm chép: “Tâm giống như hoa sĩ giỏi, tạo nên các loại ngũ ấm, tất cả vật trong thế gian, không gì không do “tâm tạo”. Hỏi: Tự và tha sao có thể đều đầy đủ mười pháp giới? Đáp: Quán thân thật tướng thì quán Phật cũng như vậy. Hoa Nghiêm chép: “Tâm như vậy Phật cũng như vậy, tâm - Phật và chúng sanh ba thứ ấy không sai khác”. Há không phải tất cả đều đầy đủ cảnh ba đế hay sao? Âm tức là cơ của khẩu nghiệp trong mười pháp giới. Giới đã không giống nhau thì âm cũng có khác nhau.

Hỏi: Chúng sanh đều có ba nghiệp vì ý gì chỉ quán xét âm?

Như vậy trát luận chung đều được, luôn luôn niệm cung kính được lia bỏ ba độc tức là Quán Thế Âm. Lễ bái cúng dường thỏa mãn những cầu nguyện tức là Quán Thế Thân. Nhưng nay chỉ nói Quán Thế Âm ấy, xưa giải thích nghĩa này làm sáu: 1. Hướng về lập nên: Các tên gọi không thể liên tục nêu ra, nên một hướng để nêu tên gọi. Nếu gọi là Quán Thế Thân ấy, về sau lại hỏi lời nói này, ý gì không gọi là Quán Thế Âm, điều này thì không phải hỏi. 2. Thuận theo thế tục: Đức Thích-ca vốn nói dùng âm thanh thành Phật sự, vì vậy nói là Quán Thế Âm, như đạo qua các cõi nước tùy theo những thích nghi của họ. 3. Cùng nêu ra: Năng quán Sở quán Sở quán chính là sắc tâm chúng sanh. Nay thuận theo năng quán cho nên chỉ nói quán. Năng văn sở văn, Năng văn là nhĩ thức của bậc Thánh, sở văn là âm thanh của chúng sanh. Nay chọn lấy âm thanh sở văn, cùng nêu ra sở văn được năng văn, cùng nêu ra năng quán được sở quán, từ đây làm tên gọi cho nên nói là Quán Thế Âm. Xưa hỏi: Năng sở đã như vậy sao không chọn lấy, sắc tâm của sở quán - nhĩ thức của năng văn, để nêu lên danh gọi là Văn sắc Tâm Bồ-tát vậy? Xưa trả lời rằng: Bồ-tát một khi quán sát sắc tâm thì đây là ứng hiện rộng rãi, một âm thanh của chúng sanh đây là cơ nghi nhỏ hẹp. Nếu thuận theo câu hỏi thì Cơ có hai chữ - ứng chỉ một chữ, trở thành ứng hẹp mà Cơ rộng cho nên ngay việc hỏi đã không cân bằng. Nay lại hỏi: Lời nói này cần phải thuận theo nghĩa lý sao có thể theo từng chữ được? Vì Bồ-tát năng quán sắc tâm, vì sao không năng quán âm thanh; vì sao chúng sanh chỉ dùng âm thanh cảm ứng mà sắc tâm không thể cảm vậy? Nếu cùng cảm cùng ứng đó theo từng chữ này thực hành quán thì cảm ứng bình đẳng như nhau, nếu vì phân định sự rộng

hẹp đó, nay không làm ra sự trình bày này mà cùng nêu lên phạm thánh cảm ứng đều có ở cả ba nghiệp. bậc Thánh ý - phạm phu và Thanh nên nói là Quán Thế Âm. 4. Thuộc về nghĩa: Giống như phát ra âm thanh thì trước mượn ý hơi tiếp xúc môi miệng thì âm thanh đó phát ra. Nếu Khẩu nghiệp thành thì thân nhiếp được thân ý, nếu quán ở khẩu nghiệp cũng thân nhiếp được thân ý quán sát những phần khác không như vậy cho nên nói là thuộc về nghĩa. 5. Ẩn hiển: Thân tuy lễ bái - ý tuy còn niệm tưởng, mà không biết trở về hướng đến những nơi nào nên gọi là ẩn. Nếu miệng giảng nói nghĩa của sự việc thì rõ ràng cho nên gọi là hiển, nêu ra hiển giấu đi ẩn nên nói là Quán Thế Âm. 6. Khó dễ: Đứng trước gian nguy ở nơi ách nạn, ý thì mười niệm khó thành - thân thì lễ lạy quỳ cúi chập chạp, miệng đọc to vì gấp rút cho nên thành tựu cơ, thuận theo dễ dàng mà được tên gọi. Lại nữa, thứ sáu là có duyên, Quán Âm xưa kia là phạm phu ở cõi Tư Nhân thấy khổ mà phát thệ nguyện, nay sanh ở phương Tây nhiều lần trở lại cõi này, đã có thệ duyên cấp bách cần phải xưng to danh hiệu. Nay trình bày, nếu sáu nghĩa trước đều có nêu ra khắp nơi, hoặc dựa vào Thích Luận thì nghĩa đó trọn vẹn, tại vì sao? Vì xuất nhập tức là thân hành - giác quán là khẩu hành - thọ nhận là tâm hành. Tâm giác quán cho nên còn đầy đủ ba nghiệp, hướng chỉ phát ra giọng nói trở thành âm thanh mà lại không đầy đủ ba nghiệp hay sao? Chỉ nêu ra một quán tức là đầy đủ ba ứng, chỉ nêu ra một Âm tức là đầy đủ ba Cơ, mà phạm tình cho rằng âm thanh mạnh mẽ trí tuệ sắc bén lần lượt theo vật nêu lên tên gọi, nghĩa trọn vẹn hướng về suy ra tất cả đều đầy đủ.

